FireAnt

CTCP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái (HSX: YBM)

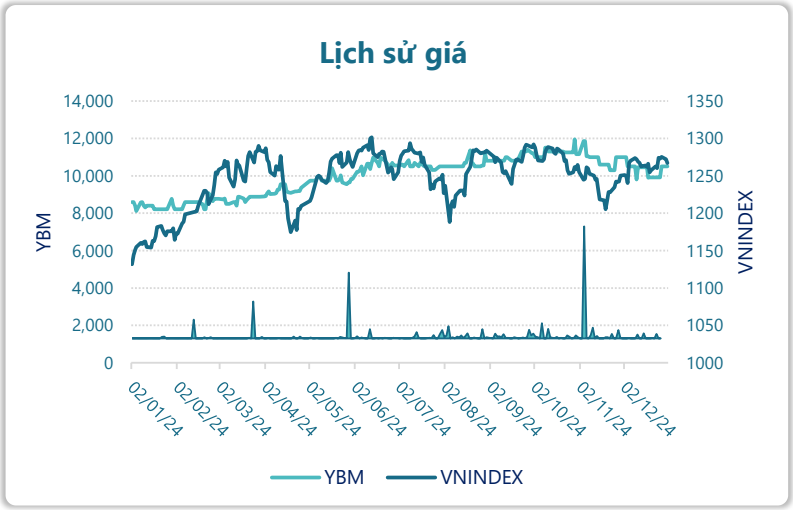

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,115
SL cổ phiếu LH	14,299,880
KLGD BQ 20 phiên (CP)	590
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	150
P/E	11.2
EPS	941

DT thuần

Q4/24

226

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 56.0| 32.8%

YoY: ▲ 69.0| 43.8%

LN sau thuế

Q4/24

2.84

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.02| 55.8%

YoY: ▼0.23| -7.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.7%

+/- YoY: ▼ 1.1%

DT thuần

2024

771

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 217| 39.3%

LN sau thuế

2024

13.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.10| 0.4%

ROE

2024

7.3%

+/- YoY: ▼ 0.2%

Kết quả kinh doanh

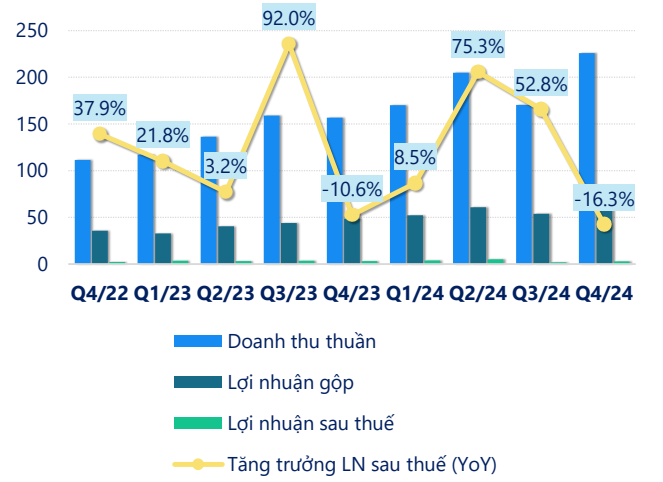

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

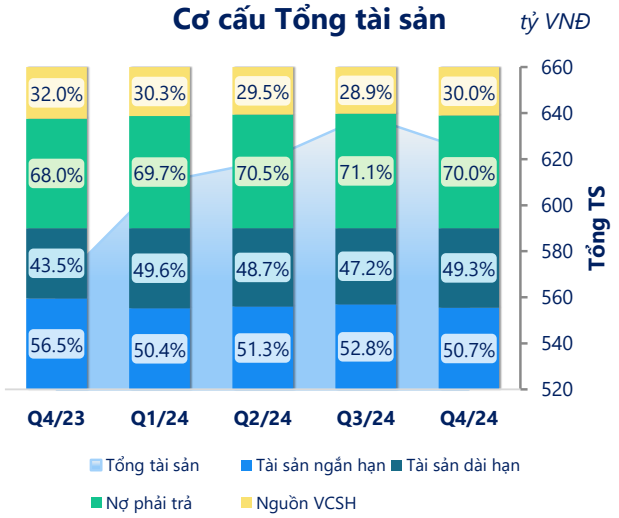

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

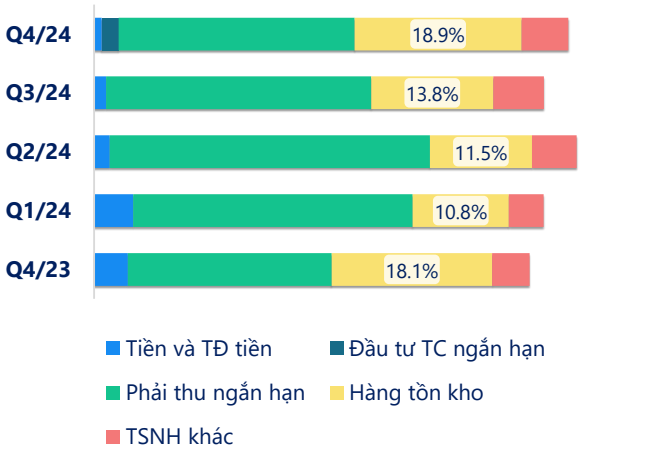

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

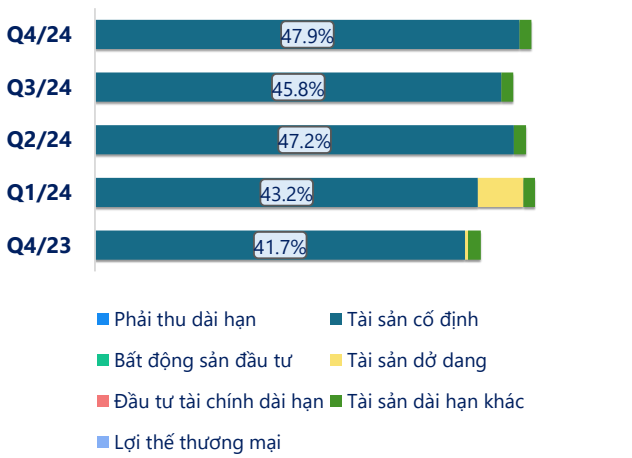

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

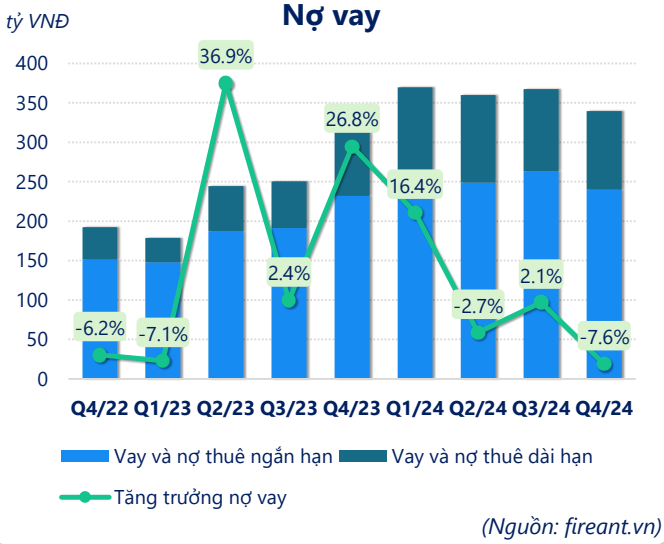

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

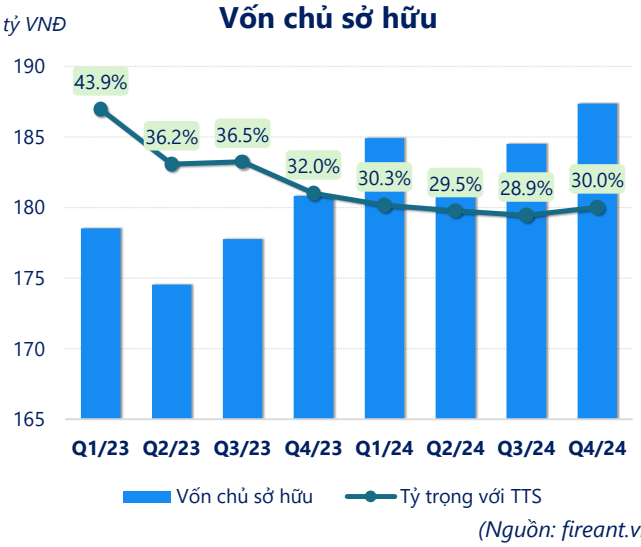

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

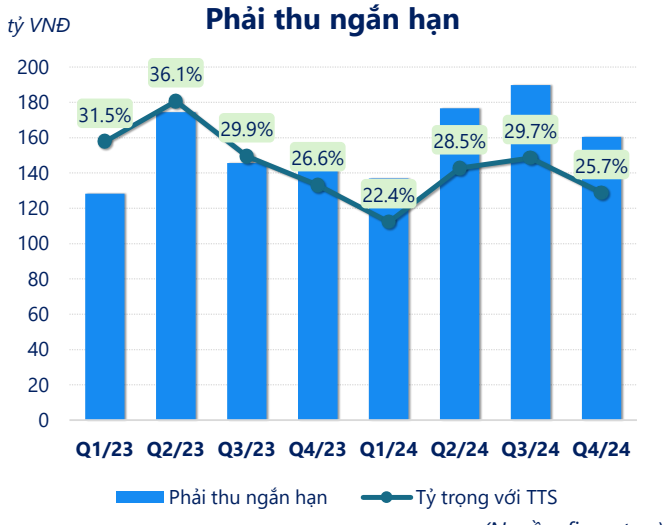

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

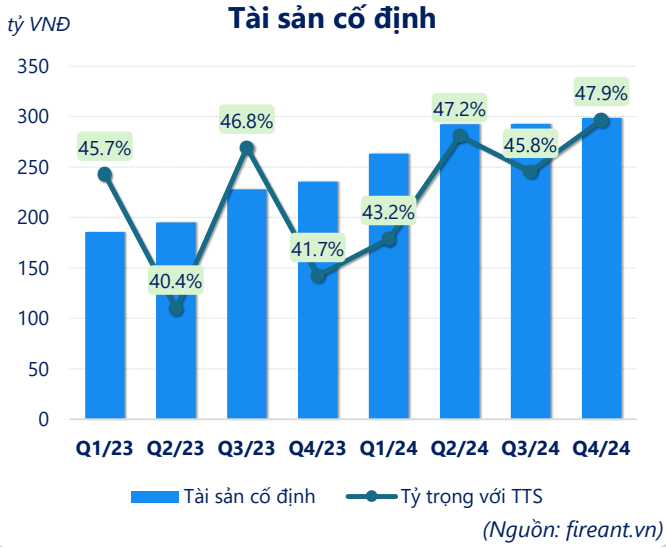

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

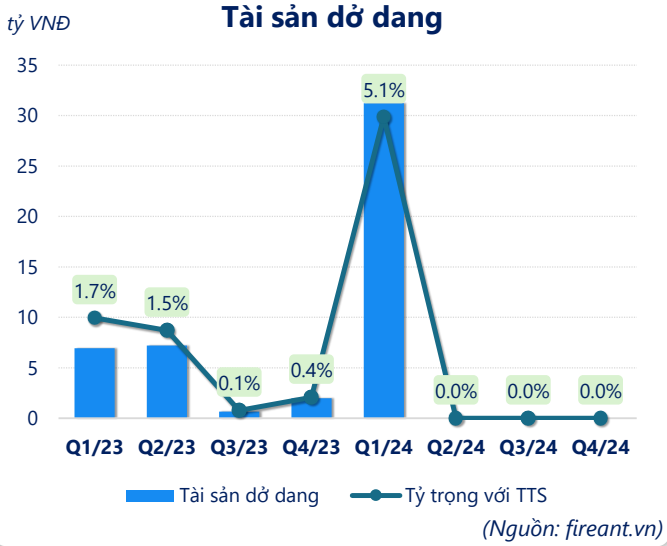

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

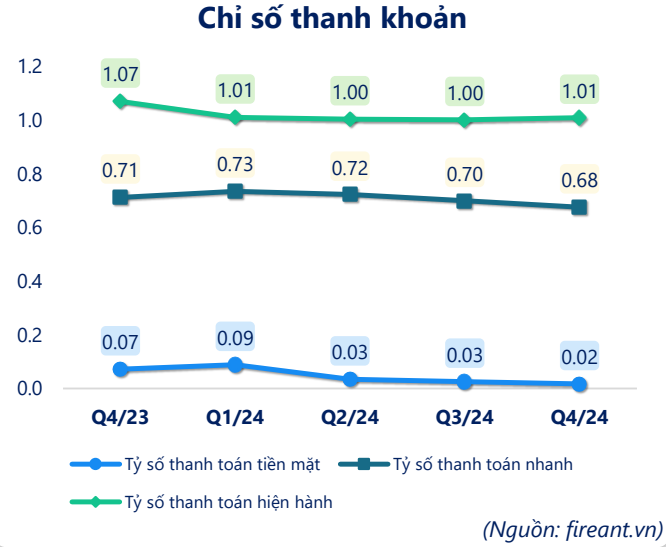

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

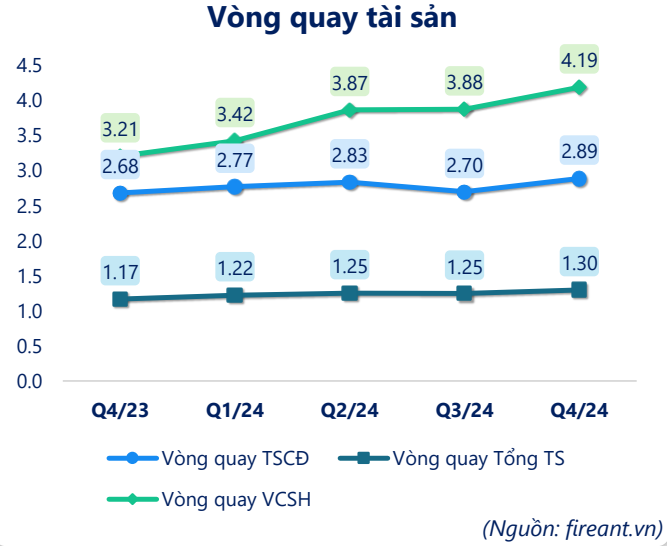

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**565**	**610**	**619**	**639**	**624**
Tài sản ngắn hạn	**319**	**307**	**318**	**337**	**317**
Tiền và tương đương tiền	21.5	26.9	10.9	8.75	5.37
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.7	26.7	8.38	2.00	5.00
Phải thu ngắn hạn	150	137	177	190	161
Hàng tồn kho	107	83.8	89.0	102	105
Tài sản ngắn hạn khác	29.7	32.8	32.8	35.2	40.9
Tài sản dài hạn	**246**	**303**	**301**	**301**	**307**
Phải thu dài hạn	0.35	0.35	0.23	0.24	0.24
Tài sản cố định	235	263	292	293	299
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.99	31.2	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	8.10	8.02	8.57	8.63	8.39
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**384**	**425**	**436**	**454**	**436**
Nợ ngắn hạn	**298**	**304**	**317**	**337**	**314**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	232	258	249	263	240
Phải trả người bán ngắn hạn	55.6	37.9	47.5	56.5	60.9
Nợ dài hạn	85.8	121	120	117	123
Vay và nợ thuê dài hạn	85.8	112	111	104	99.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**181**	**185**	**183**	**185**	**187**
Vốn chủ sở hữu	**181**	**185**	**183**	**185**	**187**
Vốn điều lệ	143	143	143	143	143
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)